TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Bản án số: 04 /2025/ HNGĐ - ST	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Ngày: 26/8/2025	
Về việc: "ly hôn"	

.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hà Giang

2. Bà Lê Thu Phương.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Khánh Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 73/2025/ TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 (của Toà án nhân dân huyện Yên Khánh) về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoàn phiên toà số 02 ngày 08 tháng 08 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Quỳnh S, sinh năm 1983; Căn cước công dân số 0371830106xx, cấp ngày 28/09/2021; địa chỉ cư trú: số nhà A, đường Q, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (nay là: số nhà A, đường Q, tổ A, phường T, tỉnh Ninh Bình).

- *Bị đơn:* Anh Phan Đình T, sinh năm 1985; Căn cước công dân số 0370850050xx, cấp ngày 30/01/2024; địa chỉ cư trú: phố K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là phố K, xã Y, tỉnh Ninh Bình).

Tại phiên tòa có mặt Nguyễn Thị Quỳnh S, anh Phan Đình T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Đình T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/4/2021 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND phường T, tỉnh Ninh Bình).

Sau khi kết hôn vợ chồng ở tại nhà bố mẹ đẻ của anh T; chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do anh T không cùng chị S lo phát triển kinh tế gia đình mà đi vào con đường tệ nạn xã hội dẫn đến nợ nần; từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cái chửi nhau. Mặc dù chị đã khuyên can, hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi nên chỉ được một thời gian ngắn là vợ chồng lại xảy ra cãi chửi nhau. Vì mâu thuẫn không giải quyết được vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con: chị xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án anh Phan Đình T: mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tung dân sự, nhưng anh T không tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; không có ý kiến quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị S.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình về tố tụng:

+ Hội đồng xét xử và người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình về nội dung:

Căn cứ: điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình; căn cứ các điều 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử ly hôn giữa anh Phan Đình T và chị Nguyễn Thị Quỳnh S .

+ Về án phí: chị Nguyễn Thị Quỳnh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh S xin ly hôn với bị đơn anh Phan Đình T có địa chỉ cư trú tại phố K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là phố K, xã Y, tỉnh Ninh Bình). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình).

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Phan Đình T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T cố tình không đến Tòa án để làm việc và trình bầy quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án là vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Phan Đình T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Đình T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Quỳnh S và anh Phan Đình T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình vào ngày 06/4/2021 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian mới phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được hai bên sống ly thân từ tháng 8/2022 mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau.

Theo chị Nguyễn Thị Quỳnh S thì nguyên nhân là do anh T dính vào tệ nạn xã hội, không giúp đỡ hỗ trợ gì cho chị trong công việc làm kinh tế cũng như công việc gia đình; vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được chị và hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn, dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân đã ba năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Về phía anh Phan Đình T đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, biết chị S có yêu cầu giải quyết việc ly hôn với mình, nhưng không có ý kiến trình bày quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện, không tham gia phiên hoà giải, có ý bỏ mặc tình trạng hôn nhân không quan tâm đến cuộc sống chung.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân do Tòa án thực hiện với chính quyền địa phương nơi cư trú của anh chị xác nhận (biên bản xác minh ngày 10/06/2025): qua theo dõi thì biết vợ chồng anh T và chị S có xảy ra mâu thuẫn, nhưng cụ thể

nguyên nhân như thế nào thì địa phương không biết vì không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì nhưng vì mâu thuẫn vợ chồng chị S bỏ về tại nhà bố mẹ đẻ tại phường T, thành phố T không chung sống cùng anh T.

Về phía gia đình anh T bà Phạm Thị Bình M đẻ của anh T là cung cấp (biên bản xác minh ngày 30/05/2025): Anh T và chị S kết hôn đầu năm 2021 và chung sống cùng ông bà. Đến tháng 10/2021, anh T và chị S xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau và sau đó chị S bỏ về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay. Bản thân anh T có nói cho bà biết tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị Quỳnh S không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được và anh T hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị S.

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử thấy: trong cuộc sống chung vợ chồng anh T và chị S đã phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan trong làm ăn kinh tế chung của vợ chồng, trong công việc gia đình; mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên tìm cách khắc phục, đã được hai bên gia đình giúp đỡ hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, do mâu thuẫn không giải quyết được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể duy trì. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quỳnh S cho chị Nguyễn Thị Quỳnh S được ly hôn với Phan Đình T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Quỳnh S và anh Phan Đình T không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh S không yêu cầu giải quyết; anh T không có quan điểm về vấn đề này vì vậy HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quỳnh S về việc xin ly hôn anh Phan Đình T.

2. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Quỳnh S được ly hôn anh Phan Đình T.

3. Về con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Quỳnh S và anh Phan Đình T không có con chung nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Nguyễn Thị Quỳnh S và anh Phan Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Quỳnh S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001827 ngày 17/04/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình).

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Quỳnh S có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phan Đình T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh